

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 4 - 2022
*V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;

- Ông Nguyễn Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022 ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn Th (sinh năm 1963, chết năm 2022)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th: Ông Trần Phú Q, sinh năm 1993 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Cùng địa chỉ: Tổ 18, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Cùng địa chỉ: Tổ 18, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y (Ho), sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 20, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 20, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Ông Q, bà L có mặt. Bà Y (Ho), ông N đã được tổng đạt hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/12/2017, bà Y (Ho) có mượn của vợ chồng bà số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, không lãi suất để sinh hoạt trong gia đình. Khi vay bà Y có làm biên nhận ký tên lẫn tay, hạn đến tháng 4 năm 2018 sẽ trả dứt. Sau đó, bà Y có trả lần cho vợ chồng bà được 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng rồi ngưng. Ngày 05/01/2021, vợ chồng bà đến nhà bà Y đòi tiền thì hai bên xảy ra cãi vã, nên vợ chồng bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà Y, ông N cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, không tính lãi suất.

Chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp là Biên nhận nợ của bà Nguyễn Thị Y (Ho).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Th chết, bà L nộp trích lục khai tử số 28/TLKT ngày 24/01/2022 của ông Trần Văn Th và văn bản không bỏ sót hàng thừa kế ngày 17/02/2022 do UBND phường V, thành phố C xác nhận; Tòa án đưa ông Trần Phú Q tham gia vụ án với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn Th.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th (ông Trần Phú Q) trình bày: Thống nhất với ý kiến, yêu cầu của bà L.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; Thông báo đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Y (Ho) và ông N đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Y (Ho), ông N đều vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn bà Y, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên ông bà không tham gia suốt quá trình, cũng như

không cung cấp lời khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Th, bà L xem như ông bà tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ là biên nhận do bà Y lập, có chữ ký, lấn tay xác nhận; có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản; theo đó, ông Th có cho bà Y vay 12.000.000 đồng, thỏa thuận đến tháng 04/2018 (dương lịch) sẽ trả. Sau đó, bà Y không thực hiện theo thỏa thuận nên ông Th, bà L có đến gặp bà Y, ông N (chồng bà Y) đòi nợ và đã trả được 5.500.000 đồng.

Xét, việc vay nợ mặc dù chỉ có bà Y lập biên nhận, nhận tiền; tuy nhiên ông N có biết sự việc trên; hơn nữa quá trình giải quyết ông được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, tuy nhiên ông không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ đó cho thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, mục đích bà Y vay tiền của ông Th bà L để chi tiêu trong gia đình nên việc ông Th bà L khởi kiện yêu cầu ông N liên đới cùng bà Y trả một lần số tiền còn nợ là 6.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Y, ông N trả một lần số tiền còn nợ là 6.500.000 đồng.

Từ phân tích trên, đề nghị hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Y (Ho) có đăng ký hộ khẩu và đang cư trú tại thành phố C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Y (Ho), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] *Thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ biên nhận do phía nguyên đơn cung cấp, bà Y hẹn đến tháng 4/2018 thanh toán dứt điểm. Đến ngày 11/01/2021, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nội dung

[4] Về vốn vay và trách nhiệm liên đới:

Nguyên đơn (bà L, Q) yêu cầu bà Y, ông N cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 6.500.000 đồng. Chứng cứ phía nguyên đơn yêu cầu bà Y ông N trả nợ là Biên nhận do bà Y ký tên, điểm chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Y, ông N các thông báo thụ lý vụ án, thông báo đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Y, ông N không có ý kiến và cũng không đến Tòa để giải quyết. Trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định, bà Y có vay tiền của ông Th, đã trả được 5.500.000 đồng, còn nợ lại 6.500.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bà Y cùng ông N có trách nhiệm liên đới trả số tiền 6.500.000 đồng, phía nguyên đơn cho rằng bà Y vay nhằm mục đích lo sinh kế trong gia đình, Tòa án có thông báo nội dung vụ án và yêu cầu của phía nguyên đơn cho ông N, nhưng ông N không có ý kiến và cũng không đến Tòa giải quyết vụ án; từ đó cho thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, mục đích bà Y vay tiền của ông Th bà L để chi tiêu trong gia đình nên việc ông Th bà L khởi kiện yêu cầu ông N có trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả số tiền còn nợ là 6.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn gốc còn lại, không yêu cầu tính lãi suất vay và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có lợi cho phía bị đơn, xét chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*

Phía nguyên đơn (Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Phú Q) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L, ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị Y (Ho) và ông Nguyễn Hữu N phải chịu 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và đồng thừa kế của ông Trần Văn Th;

Buộc bà Nguyễn Thị Y (Ho) và ông Nguyễn Hữu N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phú Q số tiền 6.500.000 (*sáu triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L và ông Q (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th) số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004267 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Bà Nguyễn Thị Y (Ho) và ông Nguyễn Hữu N phải chịu 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phú Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y (Ho), ông Nguyễn Hữu N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- VKSND Tỉnh AG;
- TAND tỉnh An Giang ;
- Chi cục THADS TP.C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lư Thị Châu Ngọc